

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIUỘC
TỈNH LONG AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 31/2025/HSST
Ngày: 20-3-2025.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC – TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Bảo.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Danh.

Ông Trần Văn Đoàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thanh Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc: Bà Trần Tiến Diễm Hoa – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 23/2025/TLST - HS ngày 28 tháng 02 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2025/QĐXXST-HS, ngày 06 tháng 3 năm 2025, đối với bị cáo:

1. Họ và tên: Võ Đông H, sinh ngày: 15/4/1993.

Nơi thường trú: Tổ dân phố D, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi; Nghề nghiệp: kinh doanh; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ Xuân Q (đã chết) và bà Nguyễn Thị C; Bản thân chưa có vợ, con; Tiền án – tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/10/2024 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Trần Đức Q1, sinh ngày: 25/02/1994.

Tên gọi khác: Kìn.

Nơi thường trú: Tổ dân phố D, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi; Nghề nghiệp: thợ mộc; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần V và bà Nguyễn Thị N (đã chết); Bản thân chưa có vợ, con; Tiền án – tiền sự: không; Nhân thân: Bản án số 05/2013/HSST, ngày 01/12/2013, của Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 36

tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 09/02/2015, đã xóa án tích; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/10/2024 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Lê Thị Ánh T, sinh ngày: 01/10/1995.

Tên gọi khác: N1.

Nơi thường trú: ấp R, xã A, huyện C, Tp .; Nghề nghiệp: nhân viên phục vụ; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn L và bà Biện Thị L1; Bản thân có chồng tên Trần Văn N2 (đã ly hôn), có 01 con, sinh năm 2016; Tiền án – tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/10/2024 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh ngày: 24/02/2002.

Nơi thường trú: Ấp D, xã P, huyện C, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: nhân viên phục vụ; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Hữu M và bà Đỗ Thị Kim T2; Bản thân chưa có chồng, con; Tiền án – tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/10/2024 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Bào chữa cho bị cáo Võ Đông H có: Ông Nguyễn N3 - Luật sư - Công ty L3 - Đoàn Luật sư T7 và Bà Võ Thị Thanh N4 - Luật sư - Công ty L4 - Đoàn luật sư T7.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ Phan Bá T3, sinh năm: 1982 (vắng mặt).

Cư trú: 8/20 Tổ H, Ấp D, xã N, huyện N, Tp ..

2/ Huỳnh Thanh T4, sinh năm: 1993 (vắng mặt).

Cư trú: Ấp D, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

Người làm chứng:

1/ Lê Nguyễn Ngọc T5, sinh năm: 2001 (vắng mặt).

Cư trú: Tổ dân phố D, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi (hiện đang cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Long An).

2/ Nguyễn Thị Ngọc T6, sinh năm: 2002 (có mặt).

Cư trú: Khu phố A, thị trấn T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và qua quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ ngày 11/10/2024, Võ Đông H, Trần Đức Q1 và Lê Nguyễn Ngọc T5 rủ nhau đến quán K tọa lạc Ấp C, xã L, huyện C, tỉnh Long An để nhậu và hát karaoke. H chở Q1 đến quán trước. Khi đến quán, H và Q1 được nhân viên đưa vào phòng Vip 102 và gọi tiếp viên Nguyễn Thị Ngọc T1 và Lê Thị Ánh T vào phòng để phục vụ. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, T5 đến quán, thì Q1 rủ H mua ma túy vào phòng để sử dụng, H đồng ý. Cả hai thống nhất hùn tiền mua ma túy, mỗi người trả một nửa và H là người ứng trả tiền trước, còn Q1 sẽ đưa lại sau. Một lúc sau, Q1 và H đi ra khỏi phòng, gặp nhân viên tên Q2 (không rõ họ tên, địa chỉ) để hỏi mua 01 viên thuốc lắc, 01 gói Ketamine. Khoảng 10 phút sau, người thanh niên này vào phòng và giao ma túy trực tiếp cho H, đồng thời, H trả cho người này số tiền 1.700.000 đồng. Sau khi có ma túy, H lấy 01 viên ma túy thuốc lắc bẻ ra thành 05 mảnh, H sử dụng một mảnh, còn lại đưa cho Q1, T5, T và T1, mỗi người một mảnh để sử dụng. Lúc này, nam thanh niên bán ma túy cho H và Q1 vào phòng đưa cho H 01 cái đĩa sứ tròn màu trắng và thẻ nhựa màu đen hình chữ nhật. H để gói ma túy Ketamine và 02 tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng lên đĩa và yêu cầu T chế biến (còn gọi là xào) ma túy để cả nhóm sử dụng. Tuyệt đối gói ma túy Ketamine lên tờ tiền 5.000 đồng, dùng bật lửa có sẵn trên bàn hơi nóng mặt dưới tờ tiền để nghiền ma túy rồi đổ ra đĩa sứ. T tiếp tục dùng thẻ nhựa màu đen chia ma túy vừa xào thành 06 phần (06 đường). Tiếp đó, H lấy tờ tiền Polyme mệnh giá 10.000 đồng đưa cho T1 để T1 cuốn thành ống hút. Sau khi có ống hút, T cầm ống hút và đĩa sứ có ma túy mời H hít. H hít xong thì chuyển cho T1 để T1 mời Q1 hít rồi đến lượt T và T1 hít, còn T5 là người hít cuối cùng. Sau đó, T5 đặt đĩa ma túy Ketamine trên bàn để cả nhóm tự lấy sử dụng. Lát sau, tiếp viên Nguyễn Thị Ngọc T6 vào phòng để phục vụ cho T5 và tự lấy ma túy Ketamine trên bàn để sử dụng. Đến khoảng 00 giờ 30 phút ngày 12/10/2024, H, Q1, T1, T, T5, T6 bị Công an huyện C kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang cả nhóm đang có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nên Cơ quan Công an đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, đưa các đối tượng về làm việc và thu giữ tang vật gồm: 01 đĩa sứ hình tròn màu trắng đường kính khoảng 21 cm, chứa chất bột màu trắng nghi là ma túy; 01 túi nylon có rãnh khẹp, viền màu đỏ bên trong chứa chất bột màu trắng nghi là ma túy và 01 ống hút tròn bằng tờ tiền Việt Nam mệnh giá 10.000 đồng; 01 thẻ nhựa màu đen hình chữ nhật kích thước (09x5) cm có dính chất bột màu trắng, nghi là ma túy; 02 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 5.000 đồng.

Kết quả test nhanh chất ma túy của Võ Đông H, Trần Đức Q1, Nguyễn Thị Ngọc T1 và Lê Thị Ánh T, Lê Nguyễn Ngọc T5, Nguyễn Thị Ngọc T6 vào ngày 12/10/2024 thể hiện: dương tính với chất ma túy.

Tại Kết luận giám định số 691/KL-KTHS ngày 18/10/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh L, kết luận:

1. Bì thư: chất bột màu trắng đựng trong 01 (một) túi nylon có rãnh khếp, viên đồ được đóng gói niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng là 0,6590 gam, loại Ketamine.

2. Túi niêm phong mã số PS2 2111184:

2.1. Chất bột màu trắng trên đĩa sứ được đóng gói niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng: 0,0130 gam, loại Ketamine;

2.2. Thẻ nhựa hình chữ nhật màu đen và tờ tiền polyme mệnh giá 10.000 đồng được đóng gói niêm phong gửi giám định có tìm thấy chất ma túy, loại Ketamine.

Không hoàn lại đối tượng giám định: mẫu phục vụ hết cho công tác giám định (chất bột màu trắng trên đĩa sứ).

H1 lại đối tượng giám định: mẫu còn lại sau giám định có khối lượng 0,4612 gam và tất cả vỏ bao đựng mẫu gửi đến giám định được đóng gói niêm phong số 691.1; tờ tiền polyme mệnh giá 10.000 đồng được đóng gói niêm phong 691.2.

Tại bản cáo trạng số 32/CT-VKSCG ngày 28/02/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc truy tố bốn bị cáo Võ Đông H, Trần Đức Q1, Lê Thị Ánh T và Nguyễn Thị Ngọc T1 về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bốn bị cáo như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Võ Đông H từ 07 (bảy) năm 09 (chín) tháng đến 08 (tám) năm 03 (ba) tháng tù.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Trần Đức Q1 từ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng đến 08 (tám) năm tù.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Lê Thị Ánh T từ 07 (bảy) năm đến 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Thị Ngọc T1 từ 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng đến 07 (bảy) năm 09 (chín) tháng tù.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bốn bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 255 Bộ luật hình sự.

Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: Ma túy còn lại sau giám định có khối lượng: 0,4612 gam, loại Ketamine; 01 (một) đĩa sứ tròn màu trắng, 01 (một) thẻ nhựa hình chữ nhật màu đen, 01 (một) bật lửa gas màu tím.

Tịch thu sung nộp ngân sách Nhà nước: 01 (một) tờ tiền polyme mệnh giá 10.000 đồng, 02 (hai) tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng của bị cáo H, do dùng làm dụng cụ sử dụng ma túy.

Hoàn trả cho bị cáo Trần Đức Q1: 01 (một) điện thoại di động Oppo màu đen, lắp sim số: 0862.445.860, do không liên quan đến vụ án.

Luật sư Nguyễn Ngọc phát B bào chữa cho bị cáo H: luật sư đồng ý về tội danh và khung hình phạt mà Viện kiểm sát truy tố bị cáo H. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hoàn cảnh gia đình khó khăn đang nuôi mẹ già bị bệnh hiểm nghèo: đái tháo đường và cao huyết áp, có ông ngoại tên Nguyễn Đình L2 liệt sĩ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát tranh luận: bệnh đái tháo đường và cao huyết áp, theo danh mục Bộ Y quy định đây là các bệnh mãn tính, không phải là bệnh hiểm nghèo.

Bốn bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Bốn bị cáo nói lời sau cùng nhìn nhận hành vi phạm tội và xin giảm nhẹ hình phạt.

Lời luận tội của Kiểm sát viên và lời bào chữa của luật sư Nguyễn N3 được Hội đồng xét xử ghi nhận và xem xét khi nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bốn bị cáo thống nhất khai nhận: khoảng 22 giờ ngày 11/10/2024 tại phòng Vip 102 quán K, địa chỉ tại Ấp C, xã L, huyện C, tỉnh Long An, Võ Đông H và Trần Đức Q1 bàn bạc, thống nhất với nhau mua ma túy dạng thuốc lắc (MDMA) và Ketamine về sử dụng. Sau khi mua được ma túy, H chia ma túy là 01 (một) viên thuốc lắc (MDMA) cho H, Q1, T1, T và Lê Nguyễn Ngọc T5 sử dụng. Đồng thời, H đưa gói ma túy Ketamine, 02 tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng cho T chế biến ma túy và đưa 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng cho T1 để cuốn thành ống hút cả nhóm sử dụng ma túy. Sau đó còn có thêm nữ tiếp viên Nguyễn Thị Ngọc T6 vào phòng hát Karaoke sử dụng. Đến 00 giờ 30 phút ngày 12/10/2024, Công an huyện C phát hiện, bắt quả tang Võ Đông H, Trần Đức Q1, Nguyễn Thị Ngọc T1, Lê Thị Ánh T, Lê Nguyễn Ngọc T5, Nguyễn Thị Ngọc T6 đang sử dụng trái phép chất ma túy. Theo Kết luận giám định số 691/KL-KTHS ngày 18/10/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh L, kết luận: chất bột màu trắng thu giữ tại hiện trường được đựng trong 01 (một) túi nylon có rãnh khếp, viên đỏ được đóng gói niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng là 0,6590 gam, loại Ketamine; chất bột màu trắng thu giữ trên đĩa sứ tại hiện trường, được đóng gói niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng: 0,0130 gam, loại Ketamine và thẻ nhựa hình chữ nhật màu đen, tờ tiền polyme mệnh giá 10.000 đồng thu giữ tại hiện trường, được đóng gói niêm phong gửi giám định có tìm thấy chất ma túy, loại Ketamine.

[3] Với hành vi trên của bị cáo H, Q1, T và T1 đã cấu thành tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” với việc tổ chức cho 06 (sáu) người cùng sử dụng ma túy đây là tình tiết định khung tăng nặng hình phạt là “*Đối với hai người trở lên*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự.

[4] Hành vi trái pháp luật của bốn bị cáo là nguy hiểm, bốn bị cáo thừa biết ma túy là chất độc hại, gây nghiện làm tổn hại nghiêm trọng đến sức khỏe, tinh thần và thể chất con người nên Nhà nước thống nhất quản lý và nghiêm cấm các hành vi như: mua bán, tàng trữ, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy . . ., nhưng bốn bị cáo vẫn bất chấp thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bốn bị cáo được thực hiện do lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, ngoài ra việc sử dụng ma túy là một trong các tác nhân gây ra các tệ nạn xã hội, gây mất trật tự an toàn xã hội. Do đó, cần thiết xử lý bốn bị cáo bằng một hình phạt thoả đáng mới có thể giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Trong vụ án cũng cần xem xét đến các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất, mức độ hành vi phạm tội, cũng như nhân thân của từng bị cáo khi lượng hình:

[5.1] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bốn bị cáo theo Điều 52 Bộ luật hình sự: không.

[5.2] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bốn bị cáo: bốn bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo H có ông ngoại tên Nguyễn Đình L2 liệt sĩ và có hoàn cảnh khó khăn (có xác nhận của địa phương); bị cáo T có hoàn cảnh khó khăn (có xác nhận của địa phương) nên hai bị cáo H và T còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5.3] Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bốn bị cáo: bị cáo Q1 là người đề xuất mua ma túy sử dụng, bị cáo H và Q1 là cùng nhau thống nhất hùn tiền, mỗi bị cáo hùn 1/2 số tiền, bị cáo H là người ứng tiền trước để mua ma túy cho cả nhóm sử dụng. Hậu cung cấp 02 tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng để chế biến (xào) ma túy và cung cấp 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng để cuộn làm ống hút; bị cáo T là người chế biến (xào) ma túy và phân chia ma túy trên đĩa; bị cáo T1 cuộn tròn tờ tiền do bị cáo H đưa thành ống hút để sử dụng ma túy. Xét về nhân thân của bốn bị cáo: bị cáo Q1, đã một lần bị tòa án xét xử theo Bản án số 05/2013/HSST, ngày 01/12/2013, của Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 36 tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 09/02/2015, đã xóa án tích. Ba bị cáo còn lại có nhân thân tốt.

[6] Với những phân tích tại những phần trên, thì hình phạt dành cho bị cáo H và Q1 là bằng nhau, hình phạt dành cho bị cáo T và T1 là bằng nhau, tuy nhiên hình phạt của bị cáo H và Q1 phải cao hơn bị cáo T và T1. Xét thấy cần cách ly bốn bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có thể giáo dục, cải tạo bốn bị cáo trở thành người có ích cho xã hội. Xét thấy áp dụng hình phạt tù đối với bốn bị cáo cũng đủ răn đe, nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với bốn bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 255 Bộ luật hình sự.

[7] Đối với Lê Nguyễn Ngọc T5 được H và Q1 rủ đến cùng sử dụng trái phép chất ma túy, Nguyễn Thị Ngọc T6 là tiếp viên phục vụ, nhưng T5 và T6 không tham gia vào việc bố trí, sắp xếp điều hành người khác, không cung cấp phương tiện, ma túy, dụng cụ để sử dụng trái phép chất ma túy nên không cấu thành tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”. Tuy nhiên, T5 và T6 có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, hiện Công an xã L đã thực hiện thủ tục đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với T5 (đã đưa đi cai nghiện tập trung) và Quyết định số 215/QĐ-XPHC, ngày 17/10/2024 của Trưởng công an xã L, huyện C xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng đối với T6, là phù hợp. Đối với Huỳnh Thanh T4 là nhân viên quản lý của cơ sở kinh doanh karaoke Lam Kinh, T4 không

biết việc tại phòng Vip 102 quán Karaoke do mình quản lý có người sử dụng trái phép chất ma túy, nên không xử lý T4 về hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, là phù hợp. Đối với hộ kinh doanh Phan Hoài N5: tại thời điểm kiểm tra, chủ hộ kinh doanh là ông Phan Hoài N5 và người được ủy quyền điều hành quản lý là Phan Bá T3 không có mặt tại cơ sở. Qua làm việc, ông T3 và các nhân viên đều không biết việc các đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy, cũng không hỗ trợ, cung cấp dịch vụ, đồ vật cho khách sử dụng ma túy nên Cơ quan cảnh sát điều tra không xử lý hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy. Tuy nhiên, chủ hộ kinh doanh là ông Phan Hoài N5 đã để xảy ra hoạt động sử dụng trái phép chất ma túy trong cơ sở do mình quản lý nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C có Công văn số 439/CV-CSHS-KT-MT đã chuyển hồ sơ đề nghị Công an xã L ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Đối với người thanh niên tên Q2, theo bị cáo H và Q1 khai nhận là đối tượng đã bán ma túy, hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch, Cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh xử lý sau.

[8] Về tang vật thu giữ: Căn cứ quy định tại Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự, để xử lý tang vật thu giữ như sau:

[8.1] Đối với: Ma túy còn lại sau giám định có khối lượng: 0,4612 gam, loại Ketamine, là chất cấm, nên tịch thu tiêu hủy; Đối với 01 (một) đĩa sứ tròn màu trắng, 01 (một) thẻ nhựa hình chữ nhật màu đen, 01 (một) bật lửa gas màu tím, do là các dụng cụ dùng để sử dụng trái phép chất ma túy, xét thấy giá trị sử dụng không lớn, nên tịch thu tiêu hủy.

[8.2] Đối với 01 (một) tờ tiền polyme mệnh giá 10.000 đồng, 02 (hai) tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng của bị cáo H, do dùng làm dụng cụ sử dụng ma túy, nên tịch thu sung nộp ngân sách Nhà nước.

[8.3] Đối với 01 (một) điện thoại di động Oppo màu đen lắp sim số: 0862.445.860 của bị cáo Q1, do không liên quan đến vụ án nên hoàn trả lại cho bị cáo Q1, là phù hợp.

[8.4] Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax màu vàng, sim số: 0934.587.234 của Lê Thị Ánh T và 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone XR màu đỏ, không sim của Nguyễn Thị Ngọc T1. Quá trình điều tra xác định không liên quan đến vụ án, nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã hoàn trả cho bị cáo T và T1, là phù hợp; 01 (một) bản phô tô Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 50N8009787, 01 (một) bản phô tô giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh về an ninh trật tự và 01 (một) bản phô tô giấy phép đủ điều kiện kinh doanh lĩnh vực karaoke do Huỳnh Thanh T4 giao nộp, do là chứng cứ đã đánh số bút lục, nên tiếp tục lưu hồ sơ vụ án.

[9] Về án phí: mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Võ Đông H, Trần Đức Q1, Lê Thị Ánh T và Nguyễn Thị Ngọc T1 cùng phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Võ Đông H 07 (bảy) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 12/10/2024.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Trần Đức Q1 07 (bảy) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 12/10/2024.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Lê Thị Ánh T 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 12/10/2024.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Thị Ngọc T1 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 12/10/2024.

Căn cứ Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự. Tiếp tục tạm giam bốn bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án (20/3/2025) để đảm bảo việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: Ma túy còn lại sau giám định có khối lượng: 0,4612 gam, loại Ketamine; 01 (một) đĩa sứ tròn màu trắng, 01 (một) thẻ nhựa hình chữ nhật màu đen, 01 (một) bật lửa gas màu tím.

Tịch thu sung nộp ngân sách Nhà nước: 01 (một) tờ tiền polyme mệnh giá 10.000 đồng, 02 (hai) tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng.

Hoàn trả cho bị cáo Trần Đức Q1: 01 (một) điện thoại di động Oppo màu đen lắp sim số: 0862.445.860

Hiện vật chứng Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc đang tạm giữ theo Quyết định chuyển vật chứng số 24/QĐ-VKSCG, ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc.

Về án phí: mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho bị cáo có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- CA Tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Giuộc;
- THADS huyện Cần Giuộc;
- Bị cáo; đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN ĐỨC BẢO

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIUỘC
TỈNH LONG AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Cần Giuộc, ngày 20 tháng 3 năm 2025

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09 giờ 30 phút ngày 20 tháng 3 năm 2025.

Tại: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Bảo.

Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Công Danh.

Ông Trần Văn Đoàn.

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 23/2025/TLST-HS, ngày 28/02/2025 đối với bị cáo: Võ Đông Hậu và 03 đồng phạm.

Căn cứ vào Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Võ Đông Hậu, Trần Đức Quý, Lê Thị Ánh Tuyết và Nguyễn Thị Ngọc Tuyền cùng phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

2. Về Điều luật áp dụng:

Võ Đông Hậu: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 Bộ luật hình sự.

Trần Đức Quý: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 Bộ luật hình sự.

Lê Thị Ánh Tuyết: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 Bộ luật hình sự.

Nguyễn Thị Ngọc Tuyền: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 Bộ luật hình sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

3. Về hình phạt:

Xử phạt: Võ Đông Hậu 07 (bảy) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 12/10/2024.

Xử phạt: Trần Đức Quý 07 (bảy) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 12/10/2024.

Xử phạt: Lê Thị Ánh Tuyết 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 12/10/2024.

Xử phạt: Nguyễn Thị Ngọc Tuyền 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 12/10/2024.

Căn cứ Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự. Tiếp tục tạm giam bốn bị cáo bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án (20/3/2025) để đảm bảo việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

4. Các vấn đề khác:

Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: Ma túy còn lại sau giám định có khối lượng: 0,4612 gam, loại Ketamine; 01 (một) đĩa sứ tròn màu trắng, 01 (một) thẻ nhựa hình chữ nhật màu đen, 01 (một) bật lửa gas màu tím.

Tịch thu sung nộp ngân sách Nhà nước: 01 (một) tờ tiền polyme mệnh giá 10.000 đồng, 02 (hai) tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng.

Hoàn trả cho bị cáo Trần Đức Quý: 01 (một) điện thoại di động Oppo màu đen lắp sim số: 0862.445.860

Hiện vật chứng Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc đang tạm giữ theo Quyết định chuyển vật chứng số 24/QĐ-VKSCG, ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc.

Về án phí: mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho bị cáo có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi 09 giờ 10 phút, cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên của Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TOẠ

NGUYỄN CÔNG DANH – TRẦN VĂN ĐOÀN NGUYỄN ĐỨC BẢO